

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTKHH-TTHT
V/v chi phí được trừ khi
xác định thu nhập chịu thuế

Khánh Hòa, ngày tháng năm

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Khánh Hòa
Địa chỉ: Số 69 - 71 Thống Nhất, phường Vạn Thanh, thành phố Nha Trang,
tỉnh Khánh Hòa (MST: 6300048638-020)

Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa (Cục Thuế) nhận được công văn số 36/2024/CV-LPBankKH ghi ngày 08/01/2024 của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – CN Khánh Hòa (CN Ngân hàng) đề nghị hướng dẫn về cung cấp hóa đơn lẻ, chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ điểm e khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định:

“e) Tổ chức thuê tài sản của cá nhân mà trong hợp đồng cho thuê quy định tổ chức là người nộp thuế thay cho cá nhân thì tổ chức có trách nhiệm khai thuế thay và nộp thuế thay cho cá nhân theo quy định.”

Căn cứ Điều 8, Điều 9 Thông tư số 40/2021/TT-BTC (Thông tư số 40/2021/TT-BTC) ngày 01/6/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính) quy định:

“Điều 8. Phương pháp tính thuế đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức thuê tài sản của cá nhân mà trong hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận bên đi thuê là người nộp thuế;

...

2. Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân kinh doanh theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này khai thuế, nộp thuế như sau:

a) Trường hợp khai thuế thay, nộp thuế thay cho đối tượng hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này thì tổ chức thực hiện khai thuế, nộp thuế theo tháng hoặc quý hoặc từng lần phát sinh kỳ thanh toán hoặc năm dương lịch theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”

“Điều 9. Phương pháp tính thuế đối với một số trường hợp đặc thù

1. Cá nhân cho thuê tài sản

a) Cá nhân cho thuê tài sản là cá nhân có phát sinh doanh thu từ cho thuê tài sản bao gồm: cho thuê nhà, mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng, kho bãi không bao

gồm dịch vụ lưu trú; cho thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị không kèm theo người điều khiển; cho thuê tài sản khác không kèm theo dịch vụ. Dịch vụ lưu trú không tính vào hoạt động cho thuê tài sản theo hướng dẫn tại khoản này gồm: cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn cho khách du lịch, khách vắng lai khác; cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn không phải là căn hộ cho sinh viên, công nhân và những đối tượng tương tự; cung cấp cơ sở lưu trú cùng dịch vụ ăn uống hoặc các phương tiện giải trí.

b) Cá nhân cho thuê tài sản khai thuế theo từng lần phát sinh kỳ thanh toán (từng lần phát sinh kỳ thanh toán được xác định theo thời điểm bắt đầu thời hạn cho thuê của từng kỳ thanh toán) hoặc khai thuế theo năm dương lịch. Cá nhân khai thuế theo từng hợp đồng hoặc khai thuế cho nhiều hợp đồng trên một tờ khai nếu tài sản cho thuê tại địa bàn có cùng cơ quan thuế quản lý.

c) Cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN. Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì mức doanh thu để xác định cá nhân phải nộp thuế hay không phải nộp thuế là doanh thu trả tiền một lần được phân bổ theo năm dương lịch.”

Căn cứ Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (Thông tư số 78/2014/TT-BTC) ngày 18/6/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính) quy định:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

...

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

...2.5. Chi tiền thuê tài sản của cá nhân không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ dưới đây:

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thoả thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì hồ sơ để xác định

chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận tiền thuê tài sản chưa bao gồm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tổng số tiền thuê tài sản bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân.”

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên và theo trình bày của CN Ngân hàng thì cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, thuế TNCN theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 40/2021/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính).

Trường hợp CN Ngân hàng có ký hợp đồng thuê tài sản (thuê mặt bằng, kho bãi để đậu xe) của cá nhân cho thuê có mức doanh thu chịu thuế GTGT dưới ngưỡng 100 triệu đồng/năm, không có hóa đơn thì CN Ngân hàng được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi phí thuê tài sản có đầy đủ hồ sơ, chứng từ đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính) nêu trên.

CN Ngân hàng căn cứ các văn bản pháp luật trích dẫn nêu trên để thực hiện đúng quy định. Nếu có vướng mắc, Doanh nghiệp liên hệ Phòng Tuyên truyền hỗ trợ Người nộp thuế để được giải đáp, số điện thoại: 0258-3822028, 0258-3815073./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng: KTNB, NVDTPC, KKKTT, HKDCNTK, TTKT 1,2,3,4 (VBĐT);
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (nhcuong).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Kim Thái Linh